

MÔ HÌNH SỰ PHẠM TƯƠNG TÁC TRONG DẠY HỌC TIỂU HỌC Ở HÀ NỘI

PGS.TS. PHÓ ĐỨC HÒA - ThS. PHẠM THỊ THÚY HỒNG*

Ngày nhận bài: 10/04/2016; ngày sửa chữa: 14/04/2016; ngày duyệt đăng: 14/04/2016.

Abstract: Pedagogic interaction teaching method is an approach which stresses the relationship among teachers, learners and environment, helping students actively get knowledge and stimulate imagination and creative capacity. Preschoolers in Hanoi access to decent living and learning so they are better in thinking and more mature than those of other provinces. Therefore, teachers and students in Hanoi require a better model of education. On this basis, the article refers to pedagogical interaction teaching method for elementary schools in Hanoi with aim at improving quality of education in schools in Hanoi.

Keywords: pedagogical teaching method, teaching model, Interactive Pedagogy, interactive teaching.

Để đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “*Trong quá trình giáo dục phải kiên trì nguyên tắc lấy học sinh (HS) làm trung tâm. Việc thay đổi phương pháp dạy và học là một công việc to lớn, khó khăn, phức tạp, tác động đến tất cả các khâu từ nội dung, chương trình, sách giáo khoa, trình độ đào tạo, thi cử, đến đánh giá, kiểm định chất lượng. Đây là công việc liên quan tới tất cả các bộ phận cấu thành của giáo dục nên cần có sự đổi mới đồng bộ từ nội dung đến phương pháp để đạt được mục đích đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo*” [1; tr 130]. Do đó, nhiệm vụ đặt ra đối với giáo viên (GV) là phải đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), nhằm phát huy được tính tích cực học tập của HS, tăng cường khả năng tự học, tự khám phá, đáp ứng yêu cầu đào tạo con người mới như mục tiêu giáo dục đã đề ra. Hơn nữa, cùng với đà phát triển không ngừng của nền kinh tế tri thức, việc nâng cao chất lượng GD-ĐT càng cần phải đi vào chiều sâu. Hà Nội là trung tâm của cả nước về văn hóa, giáo dục, trong những năm qua, giáo dục thủ đô đã không ngừng đổi mới để thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”. Dạy học (DH) tương tác là một hướng đi mới trong đổi mới PPDH hiện nay. Xuất phát từ thực tiễn DH, chúng tôi bàn về thực trạng sử dụng phương pháp *sự phạm tương tác* (SPTT) trong DH ở tiểu học tại Hà Nội.

1. Giới thiệu tổng quan về SPTT

1.1. Sự phạm tương tác (Pedagogic interaction) được xem như một tư tưởng trong DH hiện đại. Vào những năm 90 của thế kỉ XX, tác giả người Pháp G.Brousseau và C.Margolinas đã nghiên cứu sự tương tác giữa các yếu tố khác nhau của hoạt động DH. Thực ra, sự tương tác biện chứng giữa hai hoạt

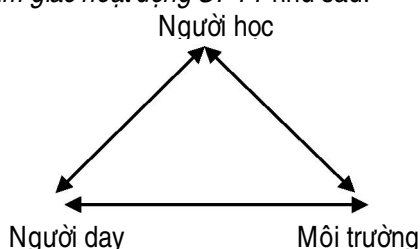
động *dạy và học* đã được nghiên cứu từ lâu trong lịch sử giáo dục học. Tuy nhiên, hoạt động SPTT được hiểu bao gồm 3 yếu tố: người dạy - người học - môi trường. Công trình nghiên cứu của hai tác giả người Canada Jean-Marc Denomme và Madeleine Roy (2000) “*Tiến tới một phương pháp SPTT*” được cho là tiêu biểu. Đây là một cách tiếp cận hoạt động DH nhấn mạnh mối quan hệ giữa ba tác nhân: người dạy - người học - môi trường. Theo tác giả, SPTT là một cách nhìn mới về hoạt động dạy và hoạt động học. SPTT là sự thiết lập một cấu trúc tư duy - sự phối hợp giữa người dạy, người học và môi trường để người học đạt được kiến thức khoa học và nền tảng tư duy vững chắc. SPTT chính là một cách tiếp cận xung quanh vai trò người học, người dạy và môi trường. Cách hiểu này như một tư duy tích cực nhằm giúp nhà sư phạm lựa chọn PPDH thích hợp đối với người học trong sự tác động của môi trường. Như vậy, *SPTT là cách tiếp cận hoạt động DH, trong đó coi trọng các mối quan hệ giữa ba nhân tố người học, người dạy và môi trường trong hoạt động giáo dục.*

1.2. Hoạt động SPTT chủ yếu dựa trên sự tương tác giữa người học, người dạy và môi trường của họ với định hướng cơ bản, trong đó đánh giá một cách đầy đủ vai trò của người học, người dạy và môi trường xung quanh cũng như việc đặc biệt quan tâm tới mối quan hệ qua lại giữa ba yếu tố này. Chính sự can thiệp qua lại giữa ba tác nhân diễn ra hoạt động SPTT. Tất cả các tương tác qua lại giữa người dạy, người học, môi trường đều nhằm mục đích hỗ trợ và thúc đẩy cho hoạt động dạy và hoạt động học. Tuy nhiên, sự tương tác không có nghĩa đơn thuần là đặt ra các câu hỏi và câu trả lời. Sự tương tác chỉ có khi người học cố gắng

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

vận hành bộ máy học để điều chỉnh quá trình học. Như thế, sự tương tác thể hiện bằng hoạt động, phản hồi, điều chỉnh và tái điều chỉnh, nó không chỉ dừng lại ở ngôn ngữ mà còn chuyển tải những vấn đề phi ngôn ngữ thông qua các hoạt động khác nhau trong giờ học. Trong quan niệm truyền thống, luôn tồn tại sự tương tác giữa hai yếu tố: người dạy - người học. Tư tưởng SPTT với sự tác động của tác nhân thứ ba - yếu tố môi trường. Đây là quan phản ánh rõ nét trong thực tiễn giáo dục hiện nay.

1.3. Cơ chế tương tác trong môi trường sư phạm là sự vận động của quá trình tương tác trong DH. Có thể biểu diễn mối quan hệ tương hỗ này bằng sơ đồ tam giác hoạt động SPTT như sau:



Nhìn vào sơ đồ, nhận thấy các dạng tương tác sư phạm trong thực tế DH: người dạy - người học; người học - môi trường; người dạy - người học - môi trường.

1.3.1. Tương tác người dạy - người học là sự tương tác thể hiện tính chất hai mặt của quá trình DH. Hoạt động dạy (người dạy), hoạt động học (người học) diễn ra đồng thời và song song. Mối quan hệ biện chứng này mang sự tương tác qua lại: người dạy thiết kế - người học thi công. Hoạt động tương tác hướng vào người học, đề cao vai trò chủ động, tích cực của người học dưới vai trò tổ chức, điều phối của người dạy. Giáo dục học hiện đại cho rằng, hoạt động học tập giữ vai trò chủ yếu trong giờ lên lớp. Đây là cơ sở cho việc nghiên cứu và ứng dụng các PPDH tích cực trong các loại hình nhà trường.

1.3.2. Tương tác người học - môi trường đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển trí tuệ, và hình thành phẩm chất đạo đức cho người học. Thực tiễn giáo dục cho thấy, mối quan hệ giữa người học và môi trường được biểu đạt dưới nhiều góc độ khác nhau.

Môi trường tác động đến người học từ nhiều nguồn thông tin đa dạng khác nhau: từ lời khuyên của cha mẹ trong gia đình; từ lời dạy bảo của thầy cô giáo trong các nhà trường; từ sự giao lưu với bạn bè, đồng nghiệp và mọi người xung quanh; các nguồn thông tin từ báo chí, tạp chí, các tài liệu và sách tham khảo, từ truyền hình và trên Internet... Đây là sự tương tác giữa người học với môi trường xã hội bên ngoài với nguồn

thông tin phong phú nhưng khó kiểm soát: có thông tin phù hợp hoặc chưa phù hợp với người học... Môi trường là nơi người học bộc lộ và phát huy khả năng trí tuệ của bản thân. Môi trường tốt là điều kiện thuận lợi cho người học hình thành và phát triển nhân cách toàn diện. Và ngược lại, người học tác động lại môi trường theo hướng có lợi cho cộng đồng xã hội.

1.3.3. Tương tác người dạy - người học - môi trường là sự tác động qua lại toàn diện giữa 3 yếu tố trong sư phạm học. Ba tác nhân của 3 đỉnh tam giác SPTT được xem xét như một cơ chế hoạt động trong DH ngày nay. Ở đây, môi trường được nghiên cứu và xem xét ở trạng thái động, luôn có xu hướng biến đổi và tác động từ nhiều phía đến người dạy và người học.

Trong đó, môi trường bao gồm: môi trường gia đình (với các đặc điểm về di truyền, phong tục tập quán, điều kiện kinh tế, các giá trị gia đình...); nhà trường (nơi hình thành và rèn luyện nhân cách cho người học); môi trường lớp học (không gian, thời gian, ánh sáng, âm thanh, sự bố trí sắp xếp trong lớp học,...); môi trường xã hội (ảnh hưởng đến hoạt động DH trong nhà trường bằng các thể chế chính trị, các chính sách của Nhà nước, các định hướng và cải cách giáo dục, Luật Giáo dục và việc thực hiện...).

Tóm lại, cơ chế tương tác trong môi trường sư phạm là sự giao thoa giữa ba tác nhân: người dạy - người học - môi trường. Sự tương tác giữa 3 nhân tố hay tương tác hai trong ba nhân tố tùy theo điều kiện và hoàn cảnh khác nhau. Tuy nhiên, môi trường SPTT là địa chỉ cho hoạt động tương tác giữa người dạy và người học. Nhân tố môi trường được xem xét ở trạng thái động chứ không phải trạng thái tĩnh. Như vậy, môi trường luôn vận hành cùng với sự phát triển theo quy luật của quá trình DH, nhằm đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của xã hội. Các PPDH tích cực cùng với công nghệ DH được đề xuất và ứng dụng trong DH hiện đại cũng đi theo xu hướng này.

2. Ứng dụng SPTT trong dạy tiểu học tại Hà Nội

Hoạt động SPTT có thể áp dụng được trong quá trình DH ở các bậc học, cấp học theo cơ chế học tập đã đưa ra ở trên. Tuy nhiên, ở từng cấp học tùy thuộc vào đặc điểm tâm, sinh lí và nhận thức của HS mà có sự khác nhau thể hiện mức độ thực hiện ở từng giai đoạn của cơ chế học tập theo quan điểm SPTT.

Đối với HS tiểu học, do tư duy của các em còn ở mức độ cụ thể còn phụ thuộc nhiều vào đặc điểm trực quan của đối tượng, hiện tượng cụ thể và chú ý không chủ định của HS phát triển ở mức độ cao, nên ở giai đoạn đầu tiên của quy trình (các cơ quan thụ cảm

cảm giác) để giúp HS có được tri giác tổng thể về đối tượng học tập, GV cần chú ý kích thích các giác quan của HS bằng hình ảnh trực quan ấn tượng, lôi cuốn sự chú ý của các em. Tuy nhiên, khả năng chú ý của HS tiểu học không thể duy trì quá lâu khiến các em căng thẳng, mệt mỏi nên việc kích thích các giác quan của trẻ cũng cần có giới hạn nhất định. Giới hạn này phụ thuộc vào đối tượng HS cụ thể, nhưng nhìn chung các kích thích từ GV nên dừng lại ở mức độ đủ để HS nhận thức được nhiệm vụ học tập hay đủ để HS nắm được các đặc điểm của đối tượng tác động đến các em. Hơn nữa, khả năng phân tích tổng hợp của HS tiểu học còn ở mức độ sơ đẳng. Các em khó phân tích những vấn đề trừu tượng và đòi hỏi những thao tác tư duy phức tạp. Do vậy, những vấn đề học tập đưa ra nên đơn giản và trực quan hoá phù hợp với trình độ tư duy để HS dễ dàng tiếp thu.

Theo quan điểm SPTT, yếu tố môi trường đóng vai trò ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động dạy và hoạt động học nên rất cần được chú ý tới. HS tiểu học có tâm lí mơ mộng, các em rất hồn nhiên, chính điều đó khiến môi trường của HS lứa tuổi này cũng khác so với người lớn. Trong DH, GV cho HS được sống trong môi trường lớp học được trang trí gần gũi với đời sống của trẻ để các em được thoải mái và phát triển trí tưởng tượng của trẻ; phát huy khả năng tưởng tượng của trẻ giúp HS tạo các mối liên hệ giữa kinh nghiệm và những hiểu biết mới về sự vật hiện tượng để phát hiện tri thức mới. Đối với HS tiểu học, môi trường bên ngoài cũng có những đặc điểm riêng vì được nhìn qua lăng kính của trẻ thơ nên môi trường đã được lí tưởng hoá, các em cảm nhận mọi sự vật hiện tượng trong thế giới theo suy nghĩ của riêng mình. Hiểu được những điều đó GV sẽ tôn trọng thế giới của các em tạo cho trẻ niềm vui và niềm tin để học tập, khuyến khích trẻ ước mơ và thực hiện những ước mơ đó.

HS tiểu học khu vực Hà Nội so với HS nhiều vùng khác trong cả nước có điều kiện sống tốt, được chăm sóc nhiều hơn, có cơ hội tiếp cận với giáo dục, tiếp cận với điều kiện công nghệ hiện đại nhiều hơn nên sự phát triển về mặt cơ thể có tính vượt trội hơn so với HS tiểu học nhiều khu vực khác. HS tiểu học Hà Nội trưởng thành nhanh hơn về mặt tâm sinh lí, cơ thể phát triển cân bằng hơn bên cạnh đó sự phát triển về sinh lí và tư duy cũng tốt hơn. HS có khả năng tưởng tượng tái tạo đã bắt đầu hoàn thiện, từ những hình ảnh cũ HS tiểu học đã tái tạo ra những hình ảnh mới. Tưởng tượng sáng tạo tương đối phát triển ở giai đoạn cuối tuổi tiểu học, HS tiểu học bắt đầu phát triển khả năng làm thơ, làm văn, vẽ tranh,... Đặc biệt, tưởng tượng

của các em trong giai đoạn này bị chi phối mạnh mẽ bởi các xúc cảm, tình cảm, những hình ảnh, sự việc, hiện tượng đều gắn liền với các rung động tình cảm của các em. Qua đây cho thấy việc áp dụng các mô hình giáo dục làm tăng khả năng phát triển tư duy và trí tưởng tượng của các em bằng cách biến các kiến thức “khô khan” thành những hình ảnh có cảm xúc, đặt ra cho các em những câu hỏi mang tính gợi mở, thu hút các em vào các hoạt động nhóm, hoạt động tập thể để các em có cơ hội phát triển quá trình nhận thức lí tính của mình một cách toàn diện. Ngôn ngữ có vai trò hết sức quan trọng, vì vậy giáo dục phải trau dồi vốn ngôn ngữ cho HS tiểu học trong giai đoạn này bằng cách hướng hứng thú của HS tiểu học vào các loại sách báo có lời và không lời, có thể là sách văn học, truyện tranh, truyện cổ tích, báo nhi đồng,... đồng thời cũng có thể kể cho HS tiểu học nghe hoặc tổ chức các cuộc thi kể chuyện đọc thơ, viết báo, viết truyện, dạy HS tiểu học cách viết nhật kí,... Tất cả đều có thể giúp HS tiểu học có được một vốn ngôn ngữ phong phú và đa dạng.

Có thể nói, căn cứ vào những ưu điểm của việc DH theo quan điểm SPTT và căn cứ vào đặc điểm nhận thức của HS tiểu học tại Hà Nội, chúng tôi thấy rằng, việc áp dụng quan điểm SPTT vào DH tiểu học tại Hà Nội, dựa trên những tiêu chí phù hợp với đặc điểm tâm lí nhận thức lứa tuổi HS là việc làm đúng đắn trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, ở tiểu học, những nghiên cứu về vấn đề này nói chung chưa mang lại hiệu quả, cần phải được tiếp tục nghiên cứu và có ứng dụng sâu hơn.

3. Mô hình dạy học

Theo định nghĩa của hai nhà nghiên cứu giáo dục học nổi tiếng Joyce và Weil (1972), mô hình DH được định nghĩa (Teaching of model is a pattern or plan, which can be a curriculum or courses to select instructional materials and to guide a teachers actions) tạm dịch là “*là loại mô hình hướng dẫn việc xây dựng một chương trình, việc lựa chọn tài liệu sư phạm và việc hỗ trợ GV trong nhiệm vụ của họ*”. Như vậy, mô hình DH được xem là mô hình lí thuyết phản ánh các thành phần cơ bản của quá trình DH và mối quan hệ giữa chúng.

Theo lí thuyết hoạt động, quá trình xử lí kinh nghiệm của người học chịu sự tác động của các yếu tố sau: - *Động cơ học*. Động cơ học thúc đẩy hoạt động học xảy ra, được bổ sung và phát triển trong hoạt động của người học. Do đó, động cơ học tập chỉ được hình thành khi người học nhận thức rõ về ý nghĩa và có khả năng chiếm lĩnh được tri thức khoa học, đồng thời sử

dụng được những tri thức này trong học tập, trong thực tiễn; - *Các hành động học*. Hành động học vừa là phương tiện, vừa là sản phẩm của hoạt động học. Thông qua các hành động học mà khái niệm được hình thành ở người học. Vì vậy, bản chất của quá trình hình thành tri thức ở người học là quá trình hình thành các hành động học; - *Mục tiêu học* là hình ảnh về kết quả của từng hoạt động học do người học hình dung trước để định hướng cho các hành động học, nó yêu cầu một nội dung học phải phù hợp và những phương pháp học phải có hiệu quả.

Với đặc điểm tâm sinh lí và điều kiện sống, điều kiện cơ sở vật chất của HS tiểu học khu vực Hà Nội, nguyên lí hoạt động, cấu trúc hình thành hoạt động học vẫn tuân thủ các bước sau: 1) Có động cơ thúc đẩy hoạt động học xảy ra; 2) Mục tiêu học là sự cụ thể hoá của động cơ học và được thực hiện bởi các hành động học; 3) Phương tiện học để tiến hành các thao tác của hành động học đạt được mục tiêu học.

Tuy nhiên, hoạt động học tập theo SPTT của HS tiểu học tại Hà Nội sẽ gồm các bước, mỗi bước đều mang đặc điểm riêng đối với khu vực Hà Nội như:

Bước 1. Hình thành động cơ học tập. Động cơ học chỉ được hình thành ở người học khi người học: - Nhận thức được ý nghĩa của môn học đối với chương trình học của cá nhân, với thực tế cuộc sống và lao động sản xuất riêng tại Hà Nội, từ đó HS tiểu học đề ra các mục tiêu học cụ thể khác biệt với động cơ học tập của HS khu vực khác; - Tìm thấy những phương pháp, phương tiện tiến hành những hành động học đạt được mục đích học đã đề ra (phương pháp, phương tiện sẽ khác, hiện đại hơn khi HS tiểu học ở Hà Nội có điều kiện hơn về công nghệ hỗ trợ học tập); - Tìm thấy những cách thức xác nhận kết quả so với mục đích đã đề ra.

Bước 2. Tự giác, tích cực thực hiện các hành động học trong những tình huống cụ thể. Hoạt động học được thôi thúc bởi động cơ học sẽ diễn ra một cách tự giác, người học tích cực thực hiện các hành động.

Bước 3. Người học chịu trách nhiệm toàn bộ việc học của mình để đạt được mục đích học. Việc chịu trách nhiệm toàn bộ quá trình học không chỉ giúp người học đạt được mục tiêu học tập đã đề ra, duy trì hứng thú nhận thức, mà còn tạo cơ hội rèn luyện các nét tính cách, hành động trí tuệ và các kĩ năng tự học như tính kiên trì, tính độc lập, kĩ năng thu thập, xử lí, lưu giữ, xử lí kiến thức,...

Bước 4. Kết thúc quy trình và chuyển sang một quy trình mới. Một quy trình trọn vẹn được khởi đầu từ khi hình thành mục đích học cho đến khi xác nhận kết

quả học so với mục đích đã định trước để tin chắc rằng những kiến thức thu lượm được từ hoạt động tương tác với đối tượng đã trở thành kiến thức xã hội, có ý nghĩa hiện tại và tương lai.

Đạy là hoạt động tổ chức, điều khiển người học của người dạy nhằm hình thành phát triển các hoạt động học của người học. Hoạt động dạy phải hướng đến hoạt động học, tương tác đến từng thành phần hợp thành hoạt động học. Do đó, logic của hoạt động dạy cho phép người học tự biến đổi tri thức của mình, tự hình thành tri thức mới thông qua sự tương tác tích cực với đối tượng học trong các tình huống DH có hướng đích do người dạy vạch ra.

Logic của hoạt động tổ chức học tập theo trình tự sau:

1) *Hình thành động cơ, hứng thú học tập, định hướng tự học cho HS.* Bằng cách làm cho HS nhận thức rõ ý nghĩa của việc học tập với cuộc sống, với nghề nghiệp tương lai; nhận thức được nội dung học tập đáp ứng được các ý nghĩ trên, những phương pháp, phương tiện cần huy động để chiếm lĩnh nội dung đó và đường hướng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Những việc làm này được người dạy chuẩn bị trước khi lên lớp, đó là việc xây dựng kế hoạch bài học và tìm những phương án chuyển giao kế hoạch đến người học. Công việc này không chỉ có tác dụng hình thành động cơ, hứng thú học tập cho người học mà còn giúp người học hiểu được sơ đồ các hành động học, từ đó giúp họ phương hướng vạch ra kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập đã được giao (kế hoạch tự học). Chất lượng của giai đoạn này có ý nghĩa quyết định sự thành công hay thất bại của các giai đoạn sau.

2) *Tổ chức các hoạt động học tập cho người học nhằm chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng, hình thành thái độ học tập đúng đắn và rèn luyện kĩ năng tự học, tự nghiên cứu.* Để làm tốt nhiệm vụ này, người dạy cần thực hiện các nội dung sau: - Nêu rõ nhiệm vụ học tập; - Cung cấp những phương tiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ học tập; - Yêu cầu người học tích cực, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, giải quyết tình huống, đảm nhận trách nhiệm giải quyết vấn đề và người dạy từ chối sự can thiệp trực tiếp.

3) *Hợp tác, giúp đỡ người học thực hiện việc học và đạt được mục tiêu học.* Trong quá trình người học thực hiện các nhiệm vụ học tập, người học thường gặp những khó khăn bên ngoài (thời gian và các điều kiện học tập khác) và khó khăn bên trong (rỗng kiến thức, phương pháp học tập hiện tại chưa phù hợp, động cơ học tập chưa rõ nét,...). Những khó khăn này ảnh hưởng xấu đến hứng thú học tập của người học,

làm cho họ thiếu trách nhiệm đến cùng trong việc học hoặc thiếu tự tin, thiếu tính tích cực và sáng tạo trong dự án học. Để khắc phục được khó khăn này, người học cần sự can thiệp sư phạm và sự giúp đỡ của người dạy. Đó là sự hợp tác giữa người dạy và người học trong quá trình lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, hứng thú học tập,...

4) *Kiểm tra, đánh giá kết quả của người học.* Để xác nhận kết quả học tập, rèn luyện và tiêu chuẩn kiến thức của người học, cần có khâu kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Từ đó, giúp người học biết được khả năng của mình và người dạy có những điều chỉnh phương pháp sư phạm cần thiết. Người dạy là người quyết định những nội dung, hình thức và thời điểm kiểm tra. Công việc này không đơn thuần là phân loại người học mà chủ yếu giúp người dạy tìm ra cơ sở để điều chỉnh phương pháp sư phạm, từ đó giúp người học điều chỉnh phương pháp học nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Vì vậy, việc kiểm tra, đánh giá cần được tiến hành thường xuyên và có hệ thống trong suốt quá trình học với nhiều hình thức và mức độ khác nhau.

Trong mối tương tác giữa người dạy và người học, logic của hoạt động dạy được xác lập tương thích với logic của hoạt động học tạo nên tính tương thích giữa dạy và học trong hệ thống DH, trong đó hoạt động học của người học giữ vị trí trung tâm, nhưng nếu việc học của người học không được định hướng sẽ không đạt được mục đích DH. Do đó, hai yếu tố chính trong sự tương tác là hoạt động dạy và học sẽ kéo theo sự thay đổi các yếu tố khác thuộc cấu trúc hoạt động DH.

* * *

DH theo mô hình tương tác là định hướng DH trong đó người học là chủ thể của nhận thức, người dạy là người hướng dẫn. Ứng dụng SPTT trong DH tiểu học ở Hà Nội sẽ giúp cho HS tiểu học chủ động tiếp nhận kiến thức thông qua quá trình thực hiện các quan hệ tương tác Thầy - Trò - Môi trường. Môi trường là một trong những thành tố quan trọng trong SPTT nên khi ứng dụng DH tương tác ở tiểu học tại Hà Nội, tác giả đã cân nhắc Hà Nội với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội riêng, HS tiểu học Hà Nội với khác biệt về phát triển tâm sinh lý, cơ hội học tập và điều kiện sống. Vì lý do này, khi ứng dụng mô hình SPTT ở Hà Nội trong hình thành động cơ học tập cho người học sẽ khác với địa phương khác. Mặt khác, mỗi cá nhân người học đều có một khả năng nhất định nào đó trong các lĩnh vực khác nhau, nó thể hiện ở các mức độ tư duy nhận thức khác nhau. Trong quá trình dạy

học, nhà sư phạm hiểu rõ khả năng và năng lực riêng của từng HS, mặt mạnh và hạn chế của các em để kịp thời điều chỉnh phương pháp. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu tập huấn - Dạy học tích hợp ở trường tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Phó Đức Hòa (2009). *Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Đỗ Thế Hưng - Nguyễn Thị Kim Hoa (2014). *Mô hình dạy học theo tiếp cận các lý thuyết học tập*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 100, tr 31-34.
- [5] Joyce and Weil (1972). *Models of teaching, Edition, illustrated*. Publisher, Prentice-Hall. Original from, the University of Michigan.

Sử dụng liên tưởng trong quá trình...

(Tiếp theo trang 58)

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Tam (chủ biên) - Lê Hiền Dương (2008). *Tiếp cận các phương pháp dạy học không truyền thống trong dạy học toán ở trường đại học và trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Võ Xuân Mai (2014). *Góp phần bồi dưỡng năng lực liên tưởng cho học sinh thông qua dạy học chủ đề Phương pháp tọa độ trong không gian (Hình học 12)*. Tạp chí Giáo dục, số 347, tr 45-47.
- [4] Đoàn Quỳnh (tổng chủ biên) - Văn Như Cương (chủ biên) (2009). *Hình học 12 Nâng cao*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Đoàn Quỳnh (tổng chủ biên), Văn Như Cương (chủ biên) (2009). *Hình học 11 Nâng cao*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Đỗ Văn Cường (2012). *Bồi dưỡng cho học sinh năng lực thích nghi trí tuệ nhằm nâng hiệu quả dạy học Hình học không gian ở trường trung học phổ thông*. Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Vinh.
- [7] Đoàn Quỳnh (tổng chủ biên) - Văn Như Cương (chủ biên) (2009). *Hình học 10 Nâng cao*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [8] Võ Xuân Mai (2016). *Sử dụng liên tưởng trong dạy học phát hiện tri thức mới cho học sinh qua dạy học bài "Phương trình mặt phẳng" Hình học 12*. Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 126, tr 7-10.